

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

1
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 27 - 5- 2020

V/v ly hôn giữa chị M, anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải;

2. Ông Nguyễn Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh M - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634A/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 “có mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2001. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 14/6/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn T, xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2014 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. cháu Nguyễn Văn T, sinh năm 2000 đã trưởng thành;
 2. cháu Nguyễn Văn Triều, sinh ngày 01/5/2003 hiện nay đang ở với chị.
 Nay do cháu T đã trưởng thành, đồng thời chị không muốn ảnh hưởng tới suy nghĩ của con về việc bố mẹ ly hôn nên chị không đề nghị Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian anh và chị M cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của chị M là tn toàn đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy mâu thuẫn nhỏ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất lời trình bày trên của chị M và không đề nghị giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Về tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa bị đơn đã được tổng đại hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:* Chị M và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi cưới nhau đảm bảo đúng các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị M và anh T đều xác định có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 2/2020 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như

kinh tế. Quan điểm của anh T không muốn ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án tham gia phiên tòa giải. Nay chị M vẫn cương quyết ly hôn, vì vậy xác định hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị M theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung:** Tòa án đã giải thích cho chị M, anh T về việc có quyền yêu cầu giải quyết về con chung nhưng chị M và anh T đều có nguyện vọng không đề nghị giải quyết con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] **Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị M thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã T ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

